

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 118 /2020/HSST

Ngày 09-12-2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái
2. Bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký tòa án nhân dân thành phố L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Thêm – Kiểm sát viên.

Ngày 09/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố L.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2020/HSST ngày 11 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Triệu Thị N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày: 27/06/1992 tại xã Minh Tân, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

ĐKNKTT và nơi ở: Tổ 27, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai..Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: lớp 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Triệu Quang Được và bà Đại Thị Loan. Bị cáo có chồng là Phạm Văn Hiếu bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/09/2020. (có mặt tại phiên tòa).

Những người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn H – sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 27, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Trọng Ch – sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ 27, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (vắng mặt)

3. Chị Triệu Thị Kim T - sinh năm 2001

Địa chỉ: Khu 6 Đông, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V.(vắng mặt)

4. Anh Lê Minh H – sinh năm 1997

Địa chỉ: xã Phú Thượng, huyện P, tỉnh T (vắng mặt)

5. Anh Sùng Seo L – sinh năm 1993

Địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. (vắng mặt)

6. Anh Hoàng Văn V – sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 27, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 09/9/2020, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lào Cai phát hiện bắt quả tang Triệu Thị N đang có hành vi tàng trữ trái phép hàng cấm tại số nhà 117 đường Lý Công Uẩn, tổ 27, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai, tiến hành thu giữ : 03 thùng bìa cát tông có chứa 154 (một trăm năm mươi tư) cây thuốc lá (gồm 1.540 bao thuốc lá), trong đó: 01 (một) thùng chứa 54 (năm mươi tư) cây thuốc lá nhãn hiệu “Chunghwa”, 02 (hai) thùng còn lại mỗi thùng chứa 50 (năm mươi) cây thuốc lá nhãn hiệu “Furongwang”; Trên vỏ các cây thuốc và các bao thuốc lá đều không dán tem nhập khẩu. Triệu Thị N không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ của toàn bộ số thuốc lá mà cơ quan Công an phát hiện thu giữ.

Tại cơ quan điều tra Triệu Thị N khai nhận: Đầu tháng 4/2020 có một người đàn ông Trung Quốc gọi điện thoại cho Triệu Thị N nhờ Triệu Thị N nhận giúp một số mặt hàng gồm bánh, kẹo, cafe, thuốc lá điều do Việt Nam sản xuất và thuốc lá điều do Trung Quốc sản xuất từ Hà Nội, Quảng Ninh chuyển đến nhà Triệu Thị N, sau đó sẽ có người đến nhà Triệu Thị N để lấy số hàng trên. Người này thỏa thuận trả cho Triệu Thị N 200CNY (Hai trăm nhân dân tệ) đối với mỗi thùng thuốc lá điều và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đối với mỗi thùng hàng mặt hàng khác. Sau khi có người đến nhận hàng tại nhà Triệu Thị N, người đàn ông Trung Quốc sẽ thanh toán tiền công cho Triệu Thị N thông qua tài khoản ngân hàng. Triệu Thị N đồng ý rồi cho người này địa chỉ nhà riêng tại số 117, Đường Lý Công Uẩn để nhận hàng, số tài khoản 0361000331050 của em gái Triệu Thị N là Triệu Thị Kim T mở tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc để nhận tiền công và số điện thoại 0792873856 của Triệu Thị N để người giao hàng liên lạc.

Trong các ngày 06, 08, 09 tháng 09 năm 2020, Triệu Thị N đã nhận từ nhân viên Công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm chi nhánh Lào Cai 03 (ba) thùng thuốc lá điều nhập lậu. Sau khi nhận hàng Ngọc cất giữ 02 (hai) thùng tại góc bếp rồi xếp

các thùng bánh kẹo lên trên, còn 01 (một) thùng cất dưới gầm cầu thang để chờ người đến nhận thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số 6218/C09- P4 ngày 10/9/2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

+54 (năm mươi tư) cây thuốc lá (mỗi cây chứa 10 bao thuốc lá, mỗi bao chứa 20 điếu thuốc lá) nhãn hiệu “Furongwang” không dán tem nhập khẩu, không có chữ tiếng Việt gửi giám định đều là thuốc lá điếu thành phẩm nhãn hiệu “Furongwang” cùng loại với mẫu thuốc lá so sánh mang nhãn hiệu “Furongwang” được sản xuất tại nước ngoài.

+ 100 (một trăm) cây thuốc lá (mỗi cây chứa 10 bao thuốc lá, mỗi bao chứa 20 điếu thuốc lá) nhãn hiệu “Chunghwa” không dán tem nhập khẩu, không có chữ tiếng Việt gửi giám định đều là thuốc lá điếu thành phẩm nhãn hiệu “Chunghwa” cùng loại với mẫu thuốc lá so sánh mang nhãn hiệu “Chunghwa” được sản xuất tại nước ngoài.

+ Tất cả các mẫu thuốc lá gửi giám định đều là thuốc lá điếu không được tiêu thụ tại Việt Nam. Theo Thông tư 124/2007/TT-BTC ngày 26/10/2007 của Bộ Tài chính: Thuốc lá điếu nhập khẩu vào Việt Nam phải có “tem thuốc lá điếu nhập khẩu” do Bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phát hành và dán trên từng bao. Hiện tại Viện Khoa học hình sự không đủ điều kiện để giám định mẫu thuốc lá mang nhãn hiệu trên là của nước nào sản xuất.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan giám định Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã trích lấy mẫu để giám định gồm: Lấy xác xuất 09 cây thuốc “Chunghwa” và 15 cây thuốc “Furongwang” để tiến hành giám định. Đã hoàn lại cơ quan trung cầu 45 cây thuốc “Chunghwa” và 85 cây thuốc lá nhãn hiệu “Furongwang”.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 8800 màu vàng có số IMEI 358645/01/03034815 kèm 01 thẻ sim của nhà mạng Mobifone có dãy số 8401200212706754, được niêm phong trong 01 bì thư của Phòng Cảnh sát kinh tế. Theo lời khai của Triệu Thị N đây là điện thoại và sim dùng để liên lạc và giao dịch với chủ hàng người Trung Quốc nên Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định những đồ vật thu giữ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đã ra quyết định xử lý đồ vật tài liệu trả lại cho bị cáo gồm: 01(một) quyển vở học sinh có bìa màu hồng, trên bìa có chữ 3A3, Họ tên Phạm Hào Q năm học 2018-2019 bên trong có 33 trang có viết số và viết chữ, có chữ ký của bị cáo trên từng trang; 01(một) Chứng minh nhân dân mang tên Triệu Thị N số 063512560 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 22/04/2015.

Cáo trạng số 51/CT- VKS- P2 ngày 09/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, truy tố bị cáo Triệu Thị N về tội "Tàng trữ hàng cấm" theo điểm b khoản 1 Điều 191 – Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố là theo điểm b khoản 1 Điều 191 – Bộ luật Hình sự. Vì vậy khi phân tích đánh giá, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát thành phố L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 191 - Bộ luật Hình sự ; điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Triệu Thị N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”. Phạt bị cáo từ 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) đến 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47- Bộ luật Hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106- Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 45 (Bốn mươi lăm) cây thuốc lá điều màu đỏ mang nhãn hiệu “ Chungghwa”. 85 (Tám mươi lăm) cây thuốc lá điều màu vàng mang nhãn hiệu “Furongwang”

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia 8800 màu vàng và 01 sim điện thoại của nhà mạng Mobifone có dòng chữ số 8401200212706754 trên thẻ sim.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, tang vật thu giữ, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy trong các ngày mùng 06,08, 09/9/2020 bị cáo Triệu Thị N đã có hành vi tàng trữ 154 (Một trăm năm mươi tư) cây thuốc lá (Gồm 1.540 bao thuốc lá). Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Tàng trữ hàng cấm". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 – Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân thành phố L là hoàn toàn chính xác.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm, nhưng do hàm lời bị cáo đã coi

thường pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm trước pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, không gây khó khăn cho Cơ quan tố tụng khi điều tra, xét xử vụ án. Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của bị cáo, đồng thời xét đến tình hình tài sản của bị cáo. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo, bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc phạt tiền bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 191 quy định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy bị cáo đã bị phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án gồm:

45 (Bốn mươi lăm) cây thuốc lá điều màu đỏ mang nhãn hiệu “Chunghwa”. Toàn bộ 45 (Bốn mươi lăm) cây thuốc lá điều được đựng vào 01 (Một) thùng bìa cát tông có kích thước 50cm x 30 cm x 30cm được niêm phong và đóng dấu đỏ của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an sau khi lấy mẫu giám định.

85 (Tám mươi lăm) cây thuốc lá điều màu vàng mang nhãn hiệu “Furongwang”. Toàn bộ 85 (Tám mươi lăm) cây thuốc lá điều nhãn hiệu “Furongwang” được đựng vào 02 (Hai) thùng bìa cát tông có cùng kích thước là 60cm x 45cm x 25cm được niêm phong và đóng dấu đỏ của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an sau khi lấy mẫu giám định. Đây là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định của pháp luật.

01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8800 màu vàng có đặc điểm: Type: RM-233; Model: 8800e- 1; FCCID; QTKRM- 233; IC: 661AD-RM233; Code: 0551992; Số IMEI: 358645/01/030348/5. Điện thoại đã qua sử

dụng là vật chứng bị cáo dùng để liên hệ với người đàn ông Trung Quốc để giao dịch trong vụ án này cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Triệu Thị N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”. Phạt bị cáo Triệu Thị N 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm a ,b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a,b khoản 2 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 45 (Bốn mươi lăm) cây thuốc lá điều màu đỏ mang nhãn hiệu “ Chungghwa”. Toàn bộ 45 (Bốn mươi lăm) cây thuốc lá điều được đựng vào 01 (Một) thùng bìa cát tông có kích thước 50cm x 30 cm x 30cm được niêm phong và đóng dấu đỏ của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an sau khi lấy mẫu giám định.

Tịch thu tiêu hủy 85 (Tám mươi lăm) cây thuốc lá điều màu vàng mang nhãn hiệu “Furongwang”. Toàn bộ 85 (Tám mươi lăm) cây thuốc lá điều nhãn hiệu “Furongwang” được đựng vào 02 (Hai) thùng bìa cát tông có cùng kích thước là 60cm x 45cmx 25cm được niêm phong và đóng dấu đỏ của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an sau khi lấy mẫu giám định

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8800 màu vàng có đặc điểm: Type: RM-233; Model: 8800e- 1; FCCID; QTKRM- 233; IC: 661AD- RM233; Code: 0551992; Số IMEI: 358645/01/030348/5. Điện thoại đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng điện thoại và 01(Một) thẻ Sim của nhà mạng Mobifone có dòng chữ số 8401200212706754 trên thẻ sim. Chiếc điện thoại nói trên được đựng trong 01 phong bì màu trắng có kích thước 22 cm x 12 cm được dán kín của phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Lào Cai, có chữ ký của những thành phần tham gia và có đóng dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai tại phần mép dán phía sau của phong bì.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2020)

Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo Triệu Thị N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKS thành phố
- THA dân sự;
- PV 27;
- Bị cáo;
- Đội HS CATP
- Lưu HS – TA, THA.

Đỗ Thị Thanh Hương